**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CỦA NGƯỜI HỌC**

**VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**

**CỬ NHÂN NGÀNH ĐÔNG NAM Á HỌC**

**CỦA TRƯỜNG ĐH KHXH&NV, ĐHQG HÀ NỘI**

Kính gửi Anh/ Chị!

Với mục tiêu nâng cao chất lượng nhằm đào tạo người học tốt nghiệp ra trường có đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của Anh/Chị về chương trình đào tạo cử nhân ngành Đông Nam Á học.

Chúng tôi xin đảm bảo các thông tin được trao đổi qua Phiếu khảo sát này sẽ hoàn toàn được bảo mật và chỉ sử dụng vào mục đích tổng hợp, phân tích để nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Anh/ Chị vui lòng trao đổi thông tin bằng cách điền ý kiến của mình và các chỗ chỗ trống (...) hoặc đánh dấu chéo (x) và phương án phù hợp với ý kiến của mình tương ứng với mỗi câu hỏi.

***Câu 1: Lý do anh/chị lựa chọn theo học ngành học hiện tại?***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý do lựa chọn ngành học** | *1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đống ý lắm; 3: Đồng ý một phần; 4: Hầu như đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý* | | | | |
| 1.Vì thấy thích | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 2.Vì thấy bạn bè chọn học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 3.Vì đây là ngành học mới | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 4.Vì ngành này dễ xin việc làm | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 5.Vì được bố mẹ định hướng | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |

***Câu 2: Trong quá trình học tập tại trường, anh/ chị có từng tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, điều chỉnh CTĐT không?***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Các hình thức tham gia xây dựng, điều chỉnh CTĐT*** | *1: Chưa bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: Có nhưng không thường xuyên; 4: Khá thường xuyên; 5: Thường xuyên* | | | | |
| 1.Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng CTĐT | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 2.Tham gia đóng góp ý kiến khi điều chỉnh CTĐT | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 3.Tham gia đóng góp ý kiến đánh giá các học phần | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |

***Câu 3: Đánh giá chung về CTĐT:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Đánh giá về hệ thống CĐR*** | *1: Hoàn toàn không phù hợp; 2: Hầu như không phù hợp; 3: Tương đối phù hợp; 4: Cơ bản phù hợp; 5: Hoàn toàn phù hợp* | | | | |
| 1.Về kiến thức | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 2.Về kỹ năng nghề nghiệp | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 3.Về năng lực ngoại ngữ | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 4.Về kỹ năng tin học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 5.Về mức độ tự chủ của người học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 6.Về các năng lực bổ trợ khác | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ***Đánh giá cấu trúc CTĐT*** | *1: Hoàn toàn không phù hợp; 2: Hầu như không phù hợp; 3: Tương đối phù hợp; 4: Cơ bản phù hợp; 5: Hoàn toàn phù hợp* | | | | |
| 1.Về tổng thể CTĐT | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 2.Về khối kiến thức chung | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 3.Về khối kiến thức lĩnh vực | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 4.Về khối kiến thức khối ngành | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 5.Về khối kiến thức ngành | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 6.Về khối kiến thức định hướng chuyên ngành | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ***Đánh giá hoạt động thực tập, thực tế*** | *1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Cơ bản không đồng ý; 3: Đống ý một phần; 4: Cơ bản đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý* | | | | |
| 1.Thời gian thực tập thực tế hiện tại quá ít | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 2.Thời lượng các đợt thực tập thực tế là quá ngắn | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 3.Nội dung thực tập thực tế chưa phong phú | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ***Đánh giá về phương pháp dạy và học*** | *1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Cơ bản không đồng ý; 3: Đống ý một phần; 4: Cơ bản đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý* | | | | |
| 1.Phương pháp giảng dạy của giảng viên cập nhật và hiện đại | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 2.Phương pháp giảng dạy của giảng viên tạo hứng thú và động lực để người học tham gia gia | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 3.Người học tích cực, chủ động tham gia học tập | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 4.Người học hài long về kết quả học tập của mình | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ***Nhận xét về phương pháp kiểm tra, đánh giá*** | *1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Cơ bản không đồng ý; 3: Đống ý một phần; 4: Cơ bản đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý* | | | | |
| 1.Các hình thức kiểm tra, đánh giá được công khai để người học được biết | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 2. Phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính công bằng giữa người học với nhau | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 3.Phương pháp kiểm tra đánh giá là phù hợp với các nội dung và phương pháp giảng dạy trên lớp | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 4.Phương pháp kiểm tra đánh giá giúp xác định rõ được mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 5.Phương pháp kiểm tra đánh giá phong phú và được điều chỉnh thường xuyên | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |

***Câu 4: Đánh giá mức độ quan trọng và mức độ người học đạt được các CĐR của CTĐT trong thực tế[[1]](#footnote-1):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *1: Hoàn toàn không quan trọng; 2: Nhìn chung không quan trọng; 3: Ít quan trọng; 4: Khá quan trọng; 5: Rất quan trọng* | | | | | | | *1: Không đạt được; 2: Đat được rất ít; 3: Đạt được một phần; 4: Cơ bản đạt được;*  *5: Đạt được đầy đủ* | | | | | |
| ***Các chuẩn đầu ra về kiến thức*** | | | | | | | | | | | | |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO01: Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật trong các hoạt động nghiệp vụ, nghiên cứu và thực tiễn. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO02: Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO03: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu, cũng như ứng dụng các kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghiệp 4.0. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO04: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khu vực học, báo chí, quan hệ công chúng, quan hệ quốc tế, khoa học du lịch, quản trị văn phòng, tôn giáo, nhân học, luật quốc tế cùng kiến thức niên luận trong học tập, nghiên cứu và trong các công việc liên quan đến Đông Nam Á học. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO05: Phân tích được những vấn đề cơ bản về lịch sử, văn hoá, tư tưởng và tình hình phát triển kinh tế diễn ra tại các nước phương Đông cùng mối liên hệ của nó với khu vực Đông Nam Á. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO06: Vận dụng được kiến thức tổng quan về địa lý nhân văn, về lịch sử hình thành, phát triển của Đông Nam Á học cùng một số khái niệm, lý luận về các vấn đề khoa học xã hội và các phương pháp nghiên cứu Đông Nam Á học vào việc học tập và nghiên cứu các vấn đề của khu vực Đông Nam Á. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO07: Phân tích được tình hình lịch sử, chính trị, văn hoá, quan hệ quốc tế, vấn đề biển Đông và sông Mê Kông, vấn đề dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO08: Vận dụng được các kiến thức cơ sở, nâng cao, kiến thức chuyên ngành về ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Indonesia hoặc tiếng Thái) trong giao tiếp xã hội, trong nghiên cứu và trong các công việc chuyên môn liên quan đến các nước Đông Nam Á; | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO09: Phân tích được các vấn đề chuyên sâu về địa lý nhân văn và kinh tế Đông Nam Á, Cộng đồng ASEAN, tôn giáo, du lịch, văn học nghệ thuật, di chuyển lao động, văn hoá, lịch sử, chính trị xã hội của khu vực Đông Nam Á. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO10: Vận dụng được kiến thức từ quá trình thực tập, khoá luận tốt nghiệp cho việc nghiên cứu hoặc trong công việc liên quan đến Đông Nam Á. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO11: Đánh giá được một số vấn đề về lịch sử, văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội cùng cơ hội, tiềm năng và thách thức của một số nước/khu vực Đông Nam Á trong thời kỳ đương đại. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
|  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| ***Các chuẩn đầu ra về kỹ năng*** | | | | | | | | | | | | |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO12: Vận dụng được kỹ năng nghiên cứu trong Đông Nam Á học để tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề của Đông Nam Á, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp, tra cứu tư liệu, viết báo cáo, thuyết trình, trao đổi công việc,.v.v… | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO13: Phát triển khả năng tư duy logic, hệ thống trong việc trình bày và nghiên cứu về một vấn đề của Đông Nam Á học; | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO14: Phát triển tư duy giải quyết vấn đề đối với các khó khăn, thách thức trong thực tiễn khu vực Đông Nam Á, trong nghiên cứu về Đông Nam Á hoặc trong công việc. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO15: Phát triển khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức thông qua việc khai thác các nguồn tư liệu trên các kênh khác nhau và thông qua khả năng phân tích vấn đề, đồng thời phát triển năng lực tự học tập, tự đào tạo và nghiên cứu suốt đời. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO16: Phát triển khả năng thích nghi với bối cảnh tổ chức, xã hội thông qua quan sát, đánh giá và rút kinh nghiệm để thích ứng và phát triển bản than trong môi trường sống và làm việc. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO17: Sắp xếp được công việc khoa học, hợp lý, hoàn thành công việc dưới áp lực thời gian, có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp với các đối tượng khác nhau trong từng bối cảnh cụ thể; thích ứng nhanh với môi trường sống và làm việc, v.v… | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO18: Có khả năng làm việc trong nhóm, xây dựng nhóm làm việc, tạo liên kết giữa các thành viên trong nhóm; biết cách đề xuất mục tiêu, kế hoạch làm việc nhóm, vận hành nhóm, đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO19: Sử dụng được Ngoại ngữ ở trình độ B1, tương đương bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
|  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| ***Các chuẩn đầu ra về Mức độ tự chủ và trách nhiêm*** | | | | | | | | | | | | |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO20: Sẵn sàng chia sẻ các kiến thức về các quốc gia và khu vực Đông Á/Đông Nam Á cho những người khác có quan tâm; có ý thức phát triển hoặc đảm nhiệm các công việc có liên quan đến Đông Nam Á. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO21: Phát triển các phẩm chất cá nhân như kiên trì, chăm chỉ, tự tin, cảm thông, chia sẻ, trung thực, có ý thức phản biện; | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO22: Có ý thức xây dựng cộng đồng; bảo vệ môi trường; đấu tranh cho công bằng, dân chủ văn minh của xã hội; tôn trọng chuẩn mực đạo đức xã hội, tuân thủ pháp luật, phát huy trách nhiệm, nghĩa vụ và đạo đức công dân. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑤ | | ④ | ③ | ② | ① | PLO23: Có tính trung thực, trách nhiệm, đáng tin cậy trong công việc, liêm chính trong học thuật, hợp tác với đồng nghiệp; tôn trọng văn hoá và các giá trị lịch sử của các quốc gia trong khu vực. | | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ***Câu 5: Anh/ Chị có ý kiến đóng góp khác để nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo này?***  ................................................................................................................................  ................................................................................................................................  ................................................................................................................................  ................................................................................................................................  ***Anh/ Chị vui lòng cung cấp một số thông tin cá nhân:***  1.1. Giới tính: □ Nam □ Nữ  1.2. Khóa học: ................................  1.3. Năm học: .................................  1.4. Kết quả học tập học kỳ gần nhất: ..................................... | | | | | | | | | | | | |

**Xin chân thành cảm ơn!**

1. Đơn vị bổ sung chuẩn đầu ra của CTĐT để trưng cầu ý kiến [↑](#footnote-ref-1)